

Số: /BC-TL-VHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 2026

## BÁO CÁO NHANH

### Về tình hình lấy nước Đợt 1 phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ (Tính đến 16h00' ngày 16/1/2026)

Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi báo cáo tình hình lấy nước Đợt 1 phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ ngày 16/1/2026 (ngày thứ nhất của Đợt 1), như sau:

#### 1. Tình hình nguồn nước

Đợt 1 lấy nước vụ Đông Xuân 2025-2026 đang được thực hiện theo kế hoạch, tổng thời gian 05 ngày, từ 0h ngày 16/1 đến 24h ngày 20/1/2026. Các hồ chứa thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang và Thác Bà vận hành tăng cường công suất phát điện từ 12h ngày 13/1/2026 để dâng mực nước hạ du sông Hồng – Thái Bình trước ngày bắt đầu lịch lấy nước khoảng 2,5 ngày.

Mực nước thực đo trung bình ngày 16/1/2026 (tính đến 15h) tại Trạm Thủy văn Hà Nội đạt 1,60 m, cao nhất lúc 9h đạt 1,87 m (cơ bản đạt yêu cầu không thấp hơn 1,6m). Thời tiết vài ngày qua ở khu vực Bắc Bộ phổ biến không mưa.

#### 2. Tình hình vận hành công trình thủy lợi lấy nước

Với dòng chảy được bổ sung từ các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đủ điều kiện để vận hành lấy nước. Các địa phương vùng ven biển đã lợi dụng lúc thủy triều cao vận hành lấy nước khi điều kiện độ mặn cho phép (Chi tiết tại Phụ lục I).

#### 3. Diện tích có nước

Tổng cộng diện tích gieo trồng lúa vụ Đông Xuân 2025-2026 phụ thuộc vào dòng chảy bổ sung từ các hồ chứa thủy điện của 6 tỉnh, thành phố theo kế hoạch là **479.046 ha** (giảm 9.569 ha so với vụ Đông Xuân 2024-2025).

Tính đến 15h ngày 16/1/2026 (ngày đầu tiên của Đợt 1), tổng diện tích có nước là **125.102 ha/479.046 ha, đạt 26,11%** (cao hơn mức cùng thời gian năm 2025 là 12,5%), gồm: Ninh Bình 38,4%, Phú Thọ 30,4%, Hải Phòng 27,5%, Hưng Yên 17,9%, Hà Nội 17,2%, Bắc Ninh 6%.

(Theo dõi mực nước trực tuyến và cụ thể diện tích có nước của các địa phương tại website: <https://thuyloivn.gov.vn/dieu-hanh-xa-nuoc>)

#### 4. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để tổ chức thực hiện công tác lấy nước Đợt 1, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi đã thực hiện các công việc sau:

- Ban hành Công điện số 01/CĐ-TL-VHTT ngày 14/1/2026 về việc tổ chức lấy nước Đợt 1 phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ.
- Tổ chức đoàn công tác kiểm tra công tác chuẩn bị lấy nước Đợt 1 phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2025-2026 tại tỉnh Phú Thọ ngày 10/1/2026.
- Sẽ tổ chức đoàn công tác kiểm tra công tác lấy nước Đợt 1 phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2025-2026 tại tỉnh Ninh Bình và Hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà ngày 19/1/2026.

#### 5. Đề xuất, kiến nghị

- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố chỉ đạo các đơn vị quản lý, khai thác tiếp tục vận hành tối đa các phương tiện để lấy nước.
- Công ty Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia (NSMO) tổ chức vận hành các hồ chứa thủy điện bảo đảm duy trì lượng dòng chảy theo yêu cầu, mực nước tại Trạm Thủy văn Hà Nội ở mức không thấp hơn 1,6 m.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp nguồn điện đảm bảo để các địa phương có đủ điện để vận hành các công trình trong suốt thời gian lấy nước.
- Chi cục phụ trách công tác thủy lợi các tỉnh cập nhật diện tích có nước trước 15 giờ hàng ngày trong Đợt lấy nước lên trang thông tin của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tại địa chỉ: <https://thuyloivn.gov.vn/dieu-hanh-xa-nuoc>.

Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo./.

#### Nơi nhận:

- BT Trần Đức Thắng (để b/c);
- TTr Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- TTr Hoàng Trung (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục TT và BVTV;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty NSMO;
- Sở NNMT, Cty KTCCTL liên quan;
- Cơ quan truyền thông;
- VPC (để đăng website);
- Lưu VT, VHTT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Hồng Khanh**

**Phụ lục I****TÌNH HÌNH MỨC NƯỚC TẠI THƯỢNG LƯU CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TL-VHTT ngày 16 tháng 1 năm 2026  
của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi)

| TT | Công trình        | MNTK/YC<br>(m) | Mức nước thực tế (m)   |                         |                                              | Khả năng lấy nước |
|----|-------------------|----------------|------------------------|-------------------------|----------------------------------------------|-------------------|
|    |                   |                | Lúc 7h<br>ngày<br>16/1 | Lúc 13h<br>ngày<br>16/1 | Mức nước<br>TB từ 0h<br>đến 15h<br>ngày 16/1 |                   |
| 1  | Trung Hà đã chiến | 2,50           | 4,53                   | 4,44                    | 4,50                                         | Tốt               |
| 2  | Bạch Hạc cũ       | 6,05           | 2,83                   | 3,00                    | 2,86                                         |                   |
| 3  | Bạch Hạc mới      | 2,50           |                        |                         |                                              | Tốt               |
| 4  | Đại Định cũ       | 5,57           | 2,53                   | 2,75                    | 2,56                                         |                   |
| 5  | Đại Định mới      | 2,00           |                        |                         |                                              | Tốt               |
| 6  | Phù Sa            | 0,00           | 2,02                   | 2,23                    | 2,02                                         | Tốt               |
| 7  | Cẩm Đình          | 5,35           | 1,97                   | 2,17                    | 1,95                                         | Không lấy được    |
| 8  | Thanh Diêm        | 0,00           | 1,97                   | 2,15                    | 1,91                                         |                   |
| 9  | Đan Hoài          | 1,08           | 1,79                   | 1,94                    | 1,72                                         | Tốt               |
| 10 | Liên Mạc          | 3,77           | 1,63                   | 1,77                    | 1,55                                         | Không lấy được    |
| 11 | Áp Bắc            | 2,80           | 1,80                   | 1,91                    | 1,70                                         | Không lấy được    |
| 12 | Áp Bắc đã chiến   | 0,5            |                        |                         |                                              | Tốt               |
| 13 | Long Tửu          | 2,58           | 1,25                   | 1,34                    | 1,18                                         | Không lấy được    |
| 14 | TV Hà Nội         | 1,60           | 1,73                   | 1,76                    | 1,60                                         |                   |
| 15 | Xuân Quan         | 1,85           | 1,77                   | 1,71                    | 1,58                                         | Vận hành được     |
| 16 | Hồng Vân          | 1,00           | 1,67                   | 1,50                    | 1,42                                         | Tốt               |

**Phụ lục II**

**TIẾN ĐỘ LẤY NƯỚC PHỤC VỤ GIEO CÂY VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026, KHU VỰC TRUNG DU VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  
(Tính đến 15h ngày 16/1/2026)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TL-VHTT ngày 16 tháng 1 năm 2026 của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi)

| Tỉnh, thành phố  | Kế hoạch lấy nước vụ Xuân 2025-2026 | Đợt 1: Từ ngày 16/1 đến 20/1/2026 |              |                |             |                |             |                |             |                |             |
|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
|                  |                                     | Ngày 16/1/2026                    |              | Ngày 17/1/2026 |             | Ngày 18/1/2026 |             | Ngày 19/1/2026 |             | Ngày 20/1/2026 |             |
|                  |                                     | Tổng số (ha)                      | % so với KH  | Tổng số (ha)   | % so với KH | Tổng số (ha)   | % so với KH | Tổng số (ha)   | % so với KH | Tổng số (ha)   | % so với KH |
| Phú Thọ          | 63.980                              | 19.455                            | 30,41        |                |             |                |             |                |             |                |             |
| Bắc Ninh         | 26.801                              | 1.618                             | 6,04         |                |             |                |             |                |             |                |             |
| Hà Nội           | 77.865                              | 13.370                            | 17,17        |                |             |                |             |                |             |                |             |
| Hưng Yên         | 97.400                              | 17.388                            | 17,85        |                |             |                |             |                |             |                |             |
| Hải Phòng        | 78.500                              | 21.571                            | 27,48        |                |             |                |             |                |             |                |             |
| Ninh Bình        | 134.500                             | 51.700                            | 38,44        |                |             |                |             |                |             |                |             |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>479.046</b>                      | <b>125.102</b>                    | <b>26,11</b> |                |             |                |             |                |             |                |             |